

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 1**NGHỊ ĐỊNH****Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 05 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17 tháng 05 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 05 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp

1. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2, bổ sung các khoản 2a, 2b, 2c và 2d sau khoản 2 Điều 2 như sau:

“1. Cụm công nghiệp là nơi sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống, có quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 05 ha.

2. Cụm công nghiệp làng nghề là cụm công nghiệp có tối thiểu 60% diện tích đất công nghiệp dành cho việc di dời, mở rộng sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong làng nghề, có nghề truyền thống.

2a. Cụm công nghiệp chuyên ngành là cụm công nghiệp có tối thiểu 60% diện tích đất công nghiệp dành cho các dự án đầu tư có cùng ngành, nghề.

2b. Cụm công nghiệp hỗ trợ là cụm công nghiệp có tối thiểu 60% diện tích đất công nghiệp dành cho các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định của pháp luật về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

2c. Cụm công nghiệp công nghệ cao là cụm công nghiệp có tối thiểu 30% diện tích đất công nghiệp dành cho các dự án nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

2d. Cụm công nghiệp sinh thái là cụm công nghiệp, trong đó có các tổ chức, cá nhân trong cụm công nghiệp tham gia vào hoạt động sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên; có sự liên kết, hợp tác trong sản xuất để tối ưu hóa việc sử dụng hoặc tái sử dụng nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu và yếu tố khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Ngành, nghề, tổ chức, cá nhân đầu tư trong cụm công nghiệp; mô hình cụm công nghiệp được khuyến khích phát triển

1. Ngành, nghề được khuyến khích đầu tư trong cụm công nghiệp:

a) Công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp; công nghiệp cơ khí (như: Ô tô, máy nông nghiệp, thiết bị công trình, thiết bị công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị y tế,...); công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp dệt may, da giày;

b) Công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử; công nghiệp năng lượng thông minh; công nghiệp công nghệ kỹ thuật số, tự động hóa, thiết bị cao cấp, vật liệu mới, công nghệ sinh học;

c) Các ngành, nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại địa phương cần được bảo tồn và phát triển; dịch vụ kho bãi, đóng gói bao bì, vận chuyển hàng hóa, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp và dịch vụ khác phục vụ trực tiếp cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của địa phương với tổng diện tích không quá 10% diện tích cụm công nghiệp;

d) Các ngành, nghề công nghiệp khác có công nghệ cao, sạch, tiêu tốn ít năng lượng, mang lại giá trị gia tăng cao, phát triển bền vững.

2. Tổ chức, cá nhân được khuyến khích đầu tư trong cụm công nghiệp:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất hộ gia đình và cá nhân trong làng nghề hoặc có nghề truyền thống;

b) Các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

c) Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm tại các làng nghề, khu dân cư được khuyến khích di dời vào cụm công nghiệp.

3. Mô hình cụm công nghiệp được khuyến khích phát triển gồm: Cụm công nghiệp làng nghề, cụm công nghiệp chuyên ngành, cụm công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp công nghệ cao, cụm công nghiệp sinh thái và các mô hình cụm công nghiệp khác phát triển theo hướng hiệu quả, bền vững do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể ngành, nghề; đối tượng tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp; xác định diện tích đất từng cụm công nghiệp đảm bảo bình quân 20ha/cụm công nghiệp hoặc 5% diện tích đất cụm công nghiệp trên địa bàn dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại; mô hình phát triển cụm công nghiệp (nếu có) phù hợp phương án phát triển cụm công nghiệp thuộc quy hoạch tỉnh, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện thực tế của địa phương và thể hiện tại Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.”

3. Sửa đổi điểm c khoản 1; sửa đổi điểm c và điểm d khoản 2 Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 8 như sau:

“c) Trong trường hợp địa bàn cấp xã đã thành lập cụm công nghiệp thì tỷ lệ lấp đầy trung bình của các cụm công nghiệp đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các cụm công nghiệp không vượt quá 50 ha.”

b) Sửa đổi điểm c và điểm d khoản 2 Điều 8 như sau:

“c) Đạt tỷ lệ lấp đầy ít nhất 50% hoặc nhu cầu thuê đất công nghiệp trong cụm công nghiệp vượt quá diện tích đất công nghiệp hiện có của cụm công nghiệp;

d) Hoàn thành xây dựng, đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung thiết yếu của cụm công nghiệp (gồm: Đường giao thông nội bộ, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải) theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Điều kiện này không áp dụng đối với cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.”

4. Bãi bỏ điểm c khoản 1; sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 9 như sau:

a) Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 9;

b) Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 9 như sau:

“b) Hiện trạng sử dụng đất, điều kiện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất, cơ cấu sử dụng đất; đánh giá khả năng đầu nối hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài cụm công nghiệp; dự kiến ngành, nghề thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp; mô hình phát triển cụm công nghiệp; đối tượng tổ chức, cá nhân thu hút vào cụm công nghiệp; dự kiến quỹ đất công nghiệp để cho các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê lại;”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“1. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đầu tiên của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo rộng rãi việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên

phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Thời hạn nhận hồ sơ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo.

2. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập 01 bộ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này kèm tệp tin điện tử của hồ sơ, gửi Sở Công Thương để chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, Sở Công Thương hoàn thành thẩm định, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp. Trường hợp hồ sơ, nội dung Báo cáo thành lập, mở rộng cụm công nghiệp không đáp ứng yêu cầu, Sở Công Thương có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

Việc lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thông báo cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp về kết quả lựa chọn chủ đầu tư.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp kèm báo cáo thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp. Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp được gửi Bộ Công Thương để theo dõi.

Trường hợp cụm công nghiệp có điều chỉnh về tên gọi, vị trí thay đổi trong địa giới hành chính cấp xã, diện tích tăng không quá 05 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp xã và các quy hoạch khác trên địa bàn thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tại Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; đồng thời cập nhật nội dung thay đổi tại kỳ lập, điều chỉnh quy hoạch tỉnh tiếp theo.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

“1. Nội dung chủ yếu của Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp:

a) Tên gọi, diện tích, địa điểm, ngành nghề hoạt động chủ yếu;

b) Mô hình phát triển cụm công nghiệp;

c) Đối tượng tổ chức, cá nhân thu hút vào cụm công nghiệp; diện tích hoặc tỷ lệ đất công nghiệp dành cho các doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê lại;

- d) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;
- đ) Quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự kiến tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư;
- e) Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;
- g) Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có);
- h) Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;
- i) Thời điểm có hiệu lực của Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;
- k) Nội dung khác (nếu có).

2. Điều chỉnh, bãi bỏ Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp:

- a) Căn cứ thẩm quyền, quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh nội dung hoặc bãi bỏ Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp cho phù hợp tình hình thực tế của địa phương;
- b) Đối với điều chỉnh chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, dân sự và quy định khác của pháp luật liên quan.

Trường hợp cụm công nghiệp do đơn vị nhà nước làm chủ đầu tư, quản lý và không có tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư thì việc lựa chọn chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này. Nếu cụm công nghiệp có tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư thì việc xử lý tài sản, lựa chọn chủ đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật liên quan.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 13 như sau:

“2. Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là một nội dung thẩm định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, thực hiện trong quá trình thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp luật chuyên ngành quy định cụ thể lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo hình thức khác thì thực hiện theo quy định của luật chuyên ngành trước khi quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

3. Đối với cụm công nghiệp có doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đáp ứng quy định tại Nghị định này thì thực hiện lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp như sau:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (gồm Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo các Sở Công Thương, Sở Tài chính, các thành viên khác là đại diện một số sở, cơ quan liên quan; Thư ký Hội đồng là đại diện phòng chuyên môn của Sở Công Thương và không phải là thành viên Hội đồng) để chấm điểm với thang điểm 100 cho các tiêu chí: phương án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (tối đa 15 điểm); phương án quản lý, bảo vệ môi trường cụm công nghiệp (tối đa 15 điểm); năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã (tối đa 30 điểm) và phương án tài chính đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (tối đa 40 điểm). Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương và quy định của pháp luật liên quan, Hội đồng thống nhất nguyên tắc, phương thức làm việc, các nội dung của từng tiêu chí và mức điểm tối đa tương ứng cho phù hợp.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có số điểm từ 50 trở lên được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tại Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp (trường hợp có từ 02 doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức trở lên cùng đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thì giao doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có số điểm cao nhất; nếu có từ hai doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có số điểm cao nhất bằng nhau thì giao doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư)."

8. Sửa đổi khoản 1, bổ sung khoản 4a sau khoản 4 Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 18 như sau:

"1. Vận động, tiếp nhận dự án đầu tư vào cụm công nghiệp trên cơ sở quy hoạch chi tiết và ngành, nghề, đối tượng tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt."

b) Bổ sung khoản 4a sau khoản 4 Điều 18 như sau:

"4a. Trường hợp cụm công nghiệp thành lập mới sau ngày Nghị định này có hiệu lực mà không được nhận hỗ trợ đầu tư của Nhà nước để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, sau thời hạn 02 năm kể từ ngày cụm công nghiệp hoàn thành việc đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng mà không có doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại thì chủ đầu tư được quyền cho các doanh nghiệp khác thuê, thuê lại."

9. Sửa đổi khoản 4 Điều 19 như sau:

"4. Dành quỹ đất cho các doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và khoản 4a Điều 18 Nghị định này; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục triển khai đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp."

10. Sửa đổi khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào cụm công nghiệp thực hiện thủ tục thuê lại đất gắn với hạ tầng kỹ thuật chung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và chỉ được phép đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh khi cụm công nghiệp đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật. Đối với cụm công nghiệp không do doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh làm chủ đầu tư thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ một phần đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Nội dung và đối tượng hỗ trợ như sau:

a) Các nội dung hỗ trợ bao gồm: Hỗ trợ đầu tư công trình kết cấu hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và thông tin liên lạc.

b) Đối tượng hỗ trợ bao gồm: Cụm công nghiệp dành một phần diện tích đất đã đầu tư hạ tầng cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại; cụm công nghiệp tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; cụm công nghiệp phát triển theo mô hình cụm công nghiệp làng nghề, chuyên ngành, hỗ trợ, công nghệ cao, sinh thái.

2. Không áp dụng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm quản lý, sửa chữa, vận hành thường xuyên các công trình hạ tầng kỹ thuật được hỗ trợ để phục vụ hoạt động chung của cụm công nghiệp.”

12. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 27 như sau:

“c) Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí đánh giá, công nhận cụm công nghiệp sinh thái; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các mô hình phát triển cụm công nghiệp khác theo hướng hiệu quả, bảo vệ môi trường; thực hiện công tác khen thưởng, tổng kết, xây dựng báo cáo định hướng phát triển cụm công nghiệp.”

13. Sửa đổi khoản 1; bổ sung khoản 2a sau khoản 2 và sửa đổi khoản 4 Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 32 như sau:

“1. Chỉ đạo xây dựng, thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn; quyết định thành lập, mở rộng, điều chỉnh hoặc bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; quy định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định

về nguyên tắc, tiêu chí, định mức, thủ tục hỗ trợ đầu tư từ ngân sách địa phương để xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên địa bàn; ban hành quyết định về mức giảm tiền thuê lại đất cho doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại; tổ chức thực thi các chính sách, pháp luật, kế hoạch hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn.”

b) Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 Điều 32 như sau:

“2a. Đối với cụm công nghiệp thành lập mới, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế, xác định diện tích đất đối với từng cụm công nghiệp bảo đảm bình quân 20 ha/cụm công nghiệp hoặc 5% diện tích đất cụm công nghiệp trên địa bàn để dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại.

c) Sửa đổi khoản 4 Điều 32 như sau:

“4. Tổ chức rà soát, có kế hoạch, giải pháp xử lý dứt điểm các cụm công nghiệp, dự án đầu tư trong cụm công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, sử dụng đất không hiệu quả, vi phạm pháp luật; có biện pháp xử lý, quản lý hiệu quả đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp và không có chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; quyết định việc sắp xếp, xử lý các đơn vị nhà nước đã được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, pháp luật liên quan.”

14. Sửa đổi tên Điều; sửa đổi khoản 3 Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 34 như sau:

“Điều 34. Quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã”

b) Sửa đổi khoản 3 Điều 34 như sau:

“3. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các quy định khác về cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã theo thẩm quyền; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Công Thương về tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn.”

15. Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 35 như sau:

“2. Cụm công nghiệp đang trong quá trình thẩm định, quyết định thành lập, mở rộng theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương tiếp tục thực hiện theo quy định tại các Nghị định này.

3. Các đơn vị được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và các đơn vị sau khi được sắp xếp, tổ chức lại của cơ quan có thẩm quyền tiếp tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tại Nghị định này và pháp luật liên quan.”

16. Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại khoản 1 Điều 31; cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 31; cụm từ “chế độ báo cáo thống kê” bằng cụm từ “chế độ báo cáo định kỳ” tại khoản 1 Điều 30.

17. Thay thế từ “huyện” bằng từ “xã” tại điểm c khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 17, khoản 5 Điều 19, khoản 4 Điều 23, khoản 2 Điều 24, khoản 3 Điều 24 và khoản 3 Điều 29.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Các Điều 6, 11 và 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b)

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

